

Số: 582 /TTr-HĐQT

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính
và Phân phối lợi nhuận niên độ kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 31/12/2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021;

Căn cứ Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương ngày 20/6/2025;

Căn cứ báo cáo tài chính niên độ kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua các chỉ tiêu chính; Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận niên độ kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương như sau:

A. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
I	SẢN PHẨM SẢN XUẤT CHỦ YẾU			
1	- Sản xuất nước sạch đầu nguồn	Triệu m ³	75,17	75,4
2	- Sản lượng doanh thu nước sạch	Triệu m ³	64,8	67,3
3	- Tỷ lệ thất thoát, thất thu phần đầu	%	13,8	15
4	- Phát triển khách hàng	Hộ	4.000	5.679
II	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH			
1	Vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ)	Triệu đồng	318.824,70	318.824,70
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	619.400	604.458
	- Nước sạch	Triệu đồng	595.750	582.987
	- Thi công xây lắp	Triệu đồng	9.000	11.012
	- Nước tinh lọc và hoạt động khác	Triệu đồng	14.650	10.459
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	558.200	543.122
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	61.200	61.336
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	48.300	48.516
III	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC			
1	Nộp ngân sách	Triệu đồng	79.800	83.126
	- Các loại thuế, phí	Triệu đồng	63.014	66.340
	- Cổ tức trả nhà nước	Triệu đồng	16.786	16.786
2	Tỷ suất LN trước thuế/ doanh thu	%	9,88	10,1%
3	Tỷ suất LN trước thuế/ vốn CSH	%	19,2	26,1%
4	Tổng quỹ lương người lao động	Triệu đồng	106.097	108.179
5	Tổng lao động	Người	945	934
6	Lương bình quân người/tháng	Triệu đồng	9,356	9,652



B. Báo cáo tài chính niên độ kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 31/12/2025

Các chỉ tiêu chính như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN
I	Tổng tài sản	đồng	911.990.849.411
1	Tài sản ngắn hạn	đồng	73.493.071.501
2	Tài sản dài hạn	đồng	838.497.777.910
II	Tổng nguồn vốn	đồng	911.990.849.411
1	Nợ phải trả	đồng	438.134.374.130
2	Vốn chủ sở hữu	đồng	473.856.475.281

(Chi tiết tại báo cáo tài chính niên độ kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 đã được công bố thông tin trên website: hdwaco.com.vn)

C. Phân phối lợi nhuận niên độ kỳ kế toán:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	đồng	48.300.000.000	48.516.171.731
2	Lợi nhuận để trả cổ tức (8,2%)	đồng	26.144.000.000	26.143.625.400
3	Trích quỹ đầu tư phát triển	đồng	14.171.000.000	9.703.234.346
4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	đồng	7.985.000.000	12.669.311.985
4.1	Trích Quỹ khen thưởng	đồng		1.900.396.798
4.2	Trích quỹ Phúc lợi	đồng		10.768.915.187

D. Ủy quyền cho HĐQT xem xét và quyết định:

Thời gian chi trả cổ tức và thực hiện các thủ tục liên quan đến chia cổ tức cho các cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tài liệu Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Vũ Mạnh Dũng



Số: 583 /TTr -HĐQT

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua 25/6/2021;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và tình hình thực tế sản xuất của các đơn vị trực thuộc trong toàn công ty;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 của công ty, cụ thể như sau:

A. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026:

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
I	SẢN LƯỢNG DOANH THU NƯỚC SẠCH	Triệu m ³	68,8
II	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH		
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	614.950
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	551.650
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	63.300
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	49.900
III	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC		
1	Nộp ngân sách	Triệu đồng	86.300
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	10,29
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	10,41

B. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
	Lợi nhuận sau thuế năm 2026	Triệu đồng	49.900
1	Trả cổ tức bằng tiền dự kiến 8,2%	%	26.144
2	Trích quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	12.475
3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Triệu đồng	11.281
3.1	Quỹ khen thưởng	Triệu đồng	2.256
3.2	Quỹ phúc lợi	Triệu đồng	9.025

C. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và quyết định:

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận sau thuế đạt được của năm 2026, trên cơ sở quy định của pháp luật về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước:

- Quyết định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động;
- Quyết định trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác theo quy định.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tài liệu Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Vũ Mạnh Dũng



Số: 584 /TTr-KDNS

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Tổ chức và hoạt động
của Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương
được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; và Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 có hiệu lực 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/6/2021.

Sau khi rà soát các quy định thay đổi của pháp luật cũng như do thay đổi các quy định của pháp luật và công tác sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp, để đảm bảo đúng các quy định của pháp luật có liên quan Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ như sau:

1. Sửa đổi Mục 1.3 Điều 1 Giải thích các thuật ngữ: “1.3. “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 có hiệu lực 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14”

2. Sửa đổi Khoản 3, Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty như sau:

“3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 10, đường Hồng Quang, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- Điện thoại: (0220)3540381 - 3859103. - Fax: (0220)3859010

- Hotline: 19009436.

- Email: ctycnhd@vnn.vn

- Website: hdwaco.com.vn”

3. Bổ sung Khoản 8, Điều 6 Vốn điều lệ, cổ phần như sau: “8. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty không vượt quá 35% (Ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ”.

4. Sửa đổi, hủy bỏ một số nội dung Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông như sau:

4.1. Sửa đổi Mục 1.4, Khoản 1, Điều 14 như sau: “1.4. Quyết định dự án đầu tư, khoản đầu tư; chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, góp vốn liên doanh có mức vốn trên 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án, chuyển nhượng dự án.”

4.2. Sửa đổi Mục 2.15, Khoản 2, Điều 14 như sau: “2.15. Quyết định dự án đầu tư, khoản đầu tư; chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, góp vốn liên doanh có mức vốn trên 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án, chuyển nhượng dự án.”

4.3. Sửa đổi Mục 2.17, Khoản 2, Điều 14 như sau: “2.17. Các giao dịch quy định tại Mục 4 Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Công ty không được đầu tư để góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khác mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ, cha dượng, mẹ kế, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.”

4.4. Hủy bỏ Mục 2.18, Khoản 2, Điều 14.

4.5. Sửa đổi lại các Mục 2.19; 2.20, 2.21 thành 2.18; 2.19; 2.20 cho phù hợp với nội dung.

5. Sửa đổi Mục 2.8, Khoản 2, Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị như sau: “2.8. Quyết định dự án đầu tư, khoản đầu tư; chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, góp vốn liên doanh có mức vốn dưới 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án, chuyển nhượng dự án trừ các giao dịch quy định tại Mục 2.18, Khoản 2, Điều 14. Việc vay (huy động) vốn thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP; trường hợp vay vốn dẫn đến tổng số nợ phải trả vượt quá 3 lần vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm vay vốn phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.”

6. Sửa đổi Khoản 1 Điều 27 Lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị như sau:

“1. Công ty có quyền trả lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách tại Công ty được trả lương chuyên trách, không hưởng thù lao

- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao của các chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị.

7. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 28 Chủ tịch Hội đồng quản trị

7.1. Sửa đổi Mục 3.7 Khoản 3, Điều 28 như sau: “3.7. Phê duyệt quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Giám đốc (Trưởng) văn phòng đại diện của Công ty tại các liên doanh đã được Hội đồng quản trị nhất trí thông qua”.

7.2. Sửa đổi Mục 3.8 Khoản 3 Điều 28 như sau: “3.8. Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng lao động hàng năm trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc sau khi thông qua Hội đồng quản trị”.

7.3. Bổ sung Khoản 2 Điều 28 Chủ tịch Hội đồng quản trị như sau: “3.10. Quyết định tuyển dụng lao động trên cơ sở kế hoạch tuyển dụng lao động đã được phê duyệt”.

7.4. Bổ sung Khoản 3 Điều 28 như sau: “3.11. Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Trưởng, phó các phòng, ban; Giám đốc, phó Giám đốc chi nhánh và tương đương trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc”.

7.5. Sửa đổi Mục 3.10 Khoản 3 Điều 28 Chủ tịch Hội đồng quản trị như sau: “3.12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp”.

8. Sửa đổi Mục 4.10, Khoản 4, Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc như sau: “4.10. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm,

cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, chuyển vị trí công tác, quyết định mức lương, lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty trừ đối tượng quy định tại khoản 4.9 Điều này”.

9. Bổ sung Khoản 11, Điều 38 Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát như sau:

“11. Trường hợp Hội đồng quản trị không thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về kiểm toán nội bộ Ban kiểm soát có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm toán nội bộ”.

10. Sửa đổi Khoản 1, Điều 45. Phân phối lợi nhuận như sau: “1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Việc trích tỷ lệ phần trăm (%) cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, phát triển sản xuất do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm, phù hợp với quy định tại Điều 25 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Điều 29 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.”

Trên đây là một số nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Mạnh Dũng



Số: 585 TT -KDNS

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; và Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 có hiệu lực 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

Căn cứ Dự thảo Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Sau khi rà soát các quy chế trên cơ sở Dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Tổ chức và hoạt động, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các quy chế như sau:

I. Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty

1. Bổ sung một số căn cứ như sau:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; và Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 có hiệu lực 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 28 tháng 4 năm 2026.

2. Hủy bỏ căn cứ: Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1047/NQ/ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021;

3. Sửa đổi nội dung tại Mục 1.2, Khoản 1, Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

*** Nội dung quy chế đã phê duyệt**

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty”

*** Nay sửa đổi thành:**

- Quyết định dự án đầu tư, khoản đầu tư; chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, góp vốn liên doanh có mức vốn trên 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án, chuyển nhượng dự án.

4. Sửa đổi một số nội dung tại Tiểu mục b, Mục 2.5, Khoản 2, Điều 2. Đại hội đồng cổ đông:

*** Nội dung quy chế đã phê duyệt**

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

- Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

*** Nay sửa đổi thành:**

- Quyết định dự án đầu tư, khoản đầu tư; chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, góp vốn liên doanh có mức vốn trên 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án, chuyển nhượng dự án.

- Các giao dịch quy định tại Mục 4 Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Công ty không được đầu tư để góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khác mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ, cha dượng, mẹ kế, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.

5. Sửa đổi nội dung tại Khoản 1, Điều 3. Hội đồng quản trị:

*** Nội dung quy chế đã phê duyệt**

- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

*** Nay sửa đổi thành:**

- Quyết định dự án đầu tư, khoản đầu tư; chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, góp vốn liên doanh có mức vốn dưới 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án, chuyển nhượng dự án trừ các giao dịch quy định tại Mục 2.18, Khoản 2, Điều 14. Việc vay (huy động) vốn thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP; trường hợp vay vốn dẫn đến tổng số nợ phải trả vượt quá 3 lần vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm vay vốn phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.”

6. Sửa đổi nội dung tại Mục 3.1, Khoản 3, Điều 3. Hội đồng quản trị:

*** Nội dung quy chế đã phê duyệt**

- Chủ tịch hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch hội đồng quản trị làm việc chuyên trách tại Công ty được trả lương chuyên trách, không hưởng thù lao

- Thành viên hội đồng quản trị kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty (Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng) hưởng lương chuyên trách đối với các chức danh quản lý, lãnh đạo đó không hưởng thêm thù lao thành viên hội đồng quản trị

- Thành viên hội đồng quản trị không chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thì được hưởng thù lao thành viên hội đồng quản trị

*** Nay sửa đổi thành:**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách tại Công ty được trả lương chuyên trách, không hưởng thù lao.

- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao của các chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị.

7. Bổ sung nội dung tại Khoản 1, Điều 4. Ban kiểm soát:

Trường hợp Hội đồng quản trị không thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về kiểm toán nội bộ Ban kiểm soát có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm toán nội bộ

8. Sửa đổi nội dung tại Khoản 1, Điều 5 Tổng giám đốc:

*** Nội dung quy chế đã phê duyệt**

- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, chuyển chuyển vị trí công tác, quyết định mức lương, lợi ích khác

đối với người lao động trong Công ty trừ đối tượng quy định tại Điều lệ Công ty sau khi được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị.

*** Nay sửa đổi thành:**

- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, chuyển chuyển vị trí công tác, quyết định mức lương, lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty trừ đối tượng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty.

9. Sửa đổi nội dung tại Điều 7. Hiệu lực thi hành:

*** Nội dung quy chế đã phê duyệt**

- Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương bao gồm 07 điều và được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 25/6/2021.

*** Nay sửa đổi thành:**

- Quy chế Nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 25/6/2021 và Các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/4/2026.

II. Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Bổ sung một số căn cứ như sau:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; và Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 có hiệu lực 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 28 tháng 4 năm 2026.

2. Sửa đổi Mục g, Mục h, Khoản 3, Điều 7 Chủ tịch Hội đồng quản trị:

*** Nội dung quy chế đã phê duyệt**

g) Phê duyệt quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty, Trưởng, phó các phòng,

ban; Giám đốc, phó Giám đốc chi nhánh và tương đương, văn phòng đại diện của Công ty tại các liên doanh đã được hội đồng quản trị nhất trí thông qua.

h) Phê duyệt tuyển dụng lao động trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc và được hội đồng quản trị thông qua.

*** Nay sửa đổi thành:**

g) Phê duyệt quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Giám đốc (Trưởng) văn phòng đại diện của Công ty tại các liên doanh đã được Hội đồng quản trị nhất trí thông qua.

h) Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng lao động hàng năm trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc sau khi thông qua Hội đồng quản trị.

3. Bổ sung Mục k, Mục n, Khoản 3, Điều 7 Chủ tịch Hội đồng quản trị:

k) Quyết định tuyển dụng lao động trên cơ sở kế hoạch tuyển dụng lao động đã được phê duyệt”.

n) Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Trưởng, phó các phòng, ban; Giám đốc, phó Giám đốc chi nhánh và tương đương trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc”.

4. Sửa đổi Mục h, Khoản 2, Điều 11 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

*** Nội dung quy chế đã phê duyệt**

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

*** Nay sửa đổi thành:**

h) Quyết định dự án đầu tư, khoản đầu tư; chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, góp vốn liên doanh có mức vốn dưới 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án, chuyển nhượng dự án trừ các giao dịch quy định tại Mục 2.18, Khoản 2, Điều 14. Việc vay (huy động) vốn thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP; trường hợp vay vốn dẫn đến tổng số nợ phải trả vượt quá 3 lần vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm vay vốn phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Sửa đổi Khoản 1, Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

*** Nội dung quy chế đã phê duyệt**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

*** Nay sửa đổi thành:**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại Mục 4 Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 50% vốn chủ sở hữu ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

Công ty không được đầu tư để góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khác mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ, cha dượng, mẹ kế, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

6. Sửa đổi Điều 24. Hiệu lực thi hành

*** Nội dung quy chế đã phê duyệt**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2021.

*** Nay sửa đổi thành:**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương bao gồm 7 chương, 24 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 25/6/2021 và Các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/4/2026.

III. Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Bổ sung một số căn cứ như sau:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; và Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 có hiệu lực 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 28 tháng 4 năm 2026.

2. Bổ sung Khoản 26, Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

26. Trường hợp Hội đồng quản trị không thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về kiểm toán nội bộ Ban kiểm soát có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm toán nội bộ

3. Sửa đổi Điều 22. Hiệu lực thi hành

*** Nội dung quy chế đã phê duyệt**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2021.

*** Nay sửa đổi thành:**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương bao gồm 7 chương, 22 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 25/6/2021 và Các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/4/2026.

Trên đây là một số nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Nội bộ về quản trị, Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Mạnh Dũng

Số: 586 /BC-HĐQT

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

**Về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị năm 2025
và định hướng, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021.

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 29/6/2021.

Căn cứ Quyết định số 1976/QĐ-HĐQT ngày 01/7/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương bầu:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 (bảy) người.
- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm (2022-2027);
- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: gồm có 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch và 05 thành viên.
- Cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị gồm: Chủ tịch và Phó chủ tịch có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày của công ty.

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương, Hội đồng quản trị trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026 như sau:

I. THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu			Tỷ lệ	Ghi chú
			Tổng	Cá nhân	Đại diện		
1	Vũ Mạnh Dũng	Chủ tịch HĐQT	12.393.858	39.400	12.354.458	38,87%	TV HĐQT điều hành
2	Vũ Văn Nhân	Thành viên HĐQT	2.818.916	29.200	2.789.716	8,84%	
3	Nguyễn Thái Dũng	Thành viên HĐQT	2.811.567	21.851	2.789.716	8,84%	
4	Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên HĐQT	2.819.816	30.100	2.789.716	8,84%	
5	Vũ Chí Phương	Thành viên HĐQT	13.251	13.251	0	0,04%	Trưởng phòng TCHC
6	Nguyễn Văn Phụng	Phó Chủ tịch HĐQT	28.700	28.700	0	0,09%	TV HĐQT không điều hành (từ 01/11/2025)
7	Phạm Thị Mận	Thành viên HĐQT	3.900.000	0	3.900.000	12,23%	TV HĐQT không điều hành

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024:

1. Hoạt động quản trị công ty.

1.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị.

Kể từ ngày 01/01/2025, Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức cuộc họp với sự tham dự 100% của các thành viên, đã quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, các quyết nghị, quyết định đều dựa trên sự thống nhất và đồng thuận của các thành viên. Năm 2025 Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 24 HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	21/01/2025	<p>1. Báo cáo tài chính giữa niên độ quý 4 năm 2024.</p> <p>2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2025.</p> <p>3. Thông qua Tờ trình Kế hoạch bố trí vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm chuyển tiếp năm 2024 và đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm năm 2025.</p> <p>4. Thông qua Tờ trình kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2025.</p> <p>5. Thông qua Tờ trình phương án vay vốn trung hạn đợt 1 năm 2025.</p> <p>6. Thông qua Tờ trình Quyết toán quỹ lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý năm 2024 và Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý năm 2025.</p> <p>7. Thông qua Tờ trình phê duyệt kế hoạch cử đoàn cán bộ đi tham</p>

			<p>quan, học tập trong và ngoài nước năm 2025.</p> <p>8. Thông qua Tờ trình hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa năm 2025</p> <p>9. Và một số công tác khác.</p>
2	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 25 HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	03/4/2025	<p>1. Thông qua Tờ trình về việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.</p> <p>2. Thông qua Tờ trình về việc điều chỉnh kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2025.</p> <p>3. Thông qua Tờ trình về việc điều chỉnh Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý năm 2025.</p> <p>4. Thông qua Tờ trình về việc Hỗ trợ tiền nghỉ dưỡng cho người lao động.</p> <p>5. Thông qua Tờ trình phương án vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương.</p> <p>6. Thông qua Tờ trình về việc hỗ trợ người lao động trong dịp lễ 30/4,</p>

			<p>01/05 năm 2025.</p> <p>7. Thông qua Tờ trình về việc cử đoàn đi công tác nước ngoài.</p> <p>8. Và một số công tác khác</p>
3	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 26 HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	27/6/2025	<p>1. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.</p> <p>2. Thông qua đề xuất hỗ trợ hội cựu chiến binh Công ty thăm, viếng nghĩa trang liệt sỹ và các di tích lịch sử khu vực Lạng Sơn, Cao Bằng.</p> <p>3. Thông qua Tờ trình phê duyệt kế hoạch đầu tư XD CB và kế hoạch bố trí vốn đợt 2 năm 2025</p> <p>4. Và một số công tác khác.</p>
4	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 27 HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	25/7/2025	<p>1. Thông qua Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính quý 2 và bán niên năm 2025.</p> <p>2. Thông qua Tờ trình chi trả cổ tức năm 2024;</p> <p>3. Thông qua Tờ trình hỗ trợ người lao động dịp nghỉ lễ 2/9/2025.</p> <p>4. Thông qua Tờ trình phương án vay vốn trung</p>

			<p>hạn lần 2 năm 2025.</p> <p>5. Và một số công tác khác.</p>
5	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 28 HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	30/9/2025	<p>1. Thông qua Tờ trình Quy chế khoán trả lương và khoán một số chi phí khác năm 2025.</p> <p>2. Thông qua Tờ trình Hệ thống thang lương, bảng lương của Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương;</p> <p>3. Thông qua Tờ trình về việc tặng quà cho CBCNV nhân ngày Tết Trung thu năm 2025;</p> <p>4. Thông qua Tờ trình hỗ trợ tổ chức hội thao Công ty lần thứ IV .</p> <p>5. Và một số công tác khác.</p>
6	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 29 HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	27/10/2025	<p>1. Thông qua Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2025.</p> <p>2. Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD 9 tháng năm 2025, ước kết quả hoạt động SXKD cả năm 2025.</p> <p>3. Thông qua Tờ trình hỗ trợ người lao động trong dịp Tết dương lịch.</p> <p>4. Thông qua hỗ trợ Công ty Cổ phần Cấp nước Thái Nguyên và</p>

			<p>Công ty Cổ phần Cấp nước Cao Bằng bị ảnh hưởng nặng nề do bão, lũ.</p> <p>5. Và một số công tác khác.</p>
7	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 30 HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	31/12/2025	<p>1. Thông qua Báo cáo Ước kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2025.</p> <p>2. Thông qua Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.</p> <p>3. Thông qua Tờ trình Danh mục các dự án công trình đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm chuyển tiếp năm 2025 và Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm năm 2026.</p> <p>4. Thông qua Tờ trình kế hoạch cung ứng vật tư, thiết bị và danh sách lựa chọn đơn vị cung ứng năm 2025.</p> <p>5. Thông qua Tờ trình trích bổ sung Quỹ tiền lương của Người lao động, Quỹ tiền lương, thù lao của Người quản</p>

			lý năm 2025. 6. Thông qua Tờ trình bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ nhiệm kỳ 2025-2028. 7. Thông qua Tờ trình về việc trích chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng 8. Thông qua Quy chế về công tác tổ chức cán bộ; 9. Và một số công tác khác.
--	--	--	--

Ngoài việc tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị trực tiếp, các thành viên Hội đồng quản trị còn tích cực cho ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, đồng thời có các ý kiến chỉ đạo nâng cao công tác quản trị công ty. Hội đồng quản trị yêu cầu Tổng giám đốc, các bộ phận có liên quan cung cấp thông tin về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh để kịp thời nắm bắt tình hình và cho ý kiến chỉ đạo.

1.2. Việc tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Công ty thực hiện theo quy định của Luật chứng khoán và các quy định của Chính phủ, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng quy mô lớn.

- Công bố thông tin và quản lý cổ đông, cổ phiếu.

+ Hội đồng quản trị phân công người thực hiện báo thông tin theo đúng quy định, đảm bảo đúng thời gian, các nội dung công bố như: Tình hình quản trị công ty, Người điều hành nghỉ chế độ, các báo cáo tài chính quý, báo cáo giao dịch cổ đông có liên quan và những báo cáo khác gửi UBCK, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, đăng công khai tại website của Công ty, đảm bảo nguyên tắc công khai minh bạch, đồng thời để các cổ đông nắm rõ được tình hình hoạt động của công ty.

+ Dữ liệu cổ đông của công ty được lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và được theo dõi định kỳ về sự thay đổi của các cổ đông.

Tổng số cổ đông tại thời điểm 02/4/2026: 932 cổ đông

Cơ cấu cổ đông:

Stt	Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	928	31.870.170	99,96
1	Tổ chức	04	26.137.106	81,98
2	Cá nhân	924	5.733.064	17,98
II	Cổ đông nước ngoài	04	12.300	0,039
1	Tổ chức	01	1.900	0,006
2	Cá nhân	03	10.400	0,033
Tổng cộng		932	31.882.470	100

2. Kết quả thực hiện các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 20/6/2025.

2.1. Kết quả thực hiện định hướng chiến lược và kế hoạch HĐSXKD năm 2025.

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua, Hội đồng quản trị đã giao cho Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện, với nhiều giải pháp trên các lĩnh vực như: Tiếp tục triển khai hoàn thiện các dự án, công trình chuyển tiếp năm 2024 đồng thời triển khai các dự án, công trình mới năm 2025: Xây dựng đường ống truyền tải cấp nước từ đường Trần Quốc Chấn - phường Chí Minh đến khu công nghiệp Cộng Hòa; Xây dựng đường ống HDPE D225 từ trạm bơm giếng số 1, nâng cao năng lực cấp nước khu công nghiệp Cộng Hòa - Chi nhánh KDNS số 4; Xây dựng tuyến ống truyền tải HDPE D710 từ trạm Cẩm Giàng đến cầu Ghẽ - CN KDNS số 10; Xây dựng đường ống cấp nước HDPE D560 từ cầu Ghẽ đến xã Cẩm Phúc; Xây dựng bổ sung tuyến ống cấp nước HDPE D400 từ Đại An mở rộng đến ngã tư Lai Cách; Lắp đặt tuyến ống PE D800 qua cống Cẩm Khê phường Tứ Minh - CN KDNS số 1 ...và một số dự án, công trình khác cải tạo nâng công suất nhà máy, các tuyến ống truyền tải theo chủ trương đã được phê duyệt. cải tạo, thay thế, đầu tư mới các máy móc thiết bị các nhà máy và các trạm bơm tăng áp, chất lượng nước đảm bảo theo các tiêu chuẩn của quy chuẩn của Bộ Y tế, áp lực, lưu lượng luôn đáp ứng nhu cầu tiêu thụ, xây dựng.

Năm 2025 Công ty đã đầu tư mới hơn 58 km đường ống truyền tải mới với kinh phí đầu tư hơn 54 tỷ đồng, cải tạo thay thế di chuyển hơn 129,998 km đường ống truyền dẫn; Thay thế 28.350 đồng hồ không đảm bảo chính xác và hết niên hạn sử dụng (tăng 55,7% so với năm 2024); sửa chữa 16.264 điểm rò rỉ (tăng 18,6% so với năm 2024) và thực hiện nhiều biện pháp chống thất thoát như: Phân vùng tách mạng, thiết lập các Block (DMA) để quản lý, lắp van thông minh điều tiết áp lực,

lắp đặt Sensor kiểm soát lưu lượng, áp lực vận hành điều tiết cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát và nâng cao tuổi thọ của thiết bị, đường ống.

Chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng tiếp tục được đổi mới, phần mềm quản lý khách hàng được xây dựng lại kết nối và tiếp nhận thông tin nhanh, tinh thần và thái độ phục vụ ngày một nâng cao, hướng tới cung cấp dịch vụ cấp nước đảm bảo thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, tạo được sự đồng thuận của cộng đồng.

Công tác thanh toán tiền sử dụng nước không dùng tiền mặt: Năm 2025 Công ty đã tập trung chỉ đạo mở rộng các kênh thanh toán trung gian, tuyên truyền hướng dẫn khách hàng sử dụng tiện ích, tỉ lệ thanh toán không dùng tiền mặt đã tăng từ 88% (năm 2025) lên 96% trong đó có nhiều đơn vị như Chi nhánh KDNS Số 5, Chi nhánh KDNS số 1, Chi nhánh Quản lý Đồng Hồ đã đạt 100% số lượng khách hàng thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

Tuy nhiên do diễn biến tình hình kinh tế trong nước và thế giới biến động lớn, chiến tranh Nga – Ucraina, xung đột khu vực Trung Đông... gây rất nhiều khó khăn cho công ty, mặc dù công ty đã đẩy nhanh tiến độ các dự án công trình cũng như tăng cường đầu nối, phát triển khách hàng.

Về một số chỉ tiêu tài chính: Mặc dù sản lượng có tăng hơn 3% tuy nhiên tỉ trọng tăng sản lượng chủ yếu là bán buôn nước sạch cho các khu vực nông thôn theo chủ trương của thành phố (tỉnh Hải Dương cũ) giá bán nước sạch 3.600 đồng/m³, do vậy doanh thu năm 2025 không đạt theo kế hoạch. Tuy nhiên Công ty đã tiết kiệm các chi phí sản xuất, do vậy lợi nhuận sau thuế vẫn đạt và vượt gần 1%. Bên cạnh đó tỉ lệ thất thoát tăng 2,8% so với chỉ tiêu phấn đấu, do thành phố triển khai tiếp tục triển khai đầu tư cải tạo hạ tầng nông thôn mới cũng như chỉnh trang đô thị, ngoài ra một số mạng đường ống cấp nước lâu năm đã bắt đầu có dấu hiệu xuống cấp thường xuyên bị rò rỉ, vỡ dẫn đến tỉ lệ thất thoát năm 2025 không duy trì được theo kế hoạch đã đề ra.

2.1.1. Các chỉ tiêu chính về hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Sản lượng nước máy thương phẩm	Triệu m ³	64,8	67,3	103,79%
2	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	13,8	15	
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	619.400	604.458	98%
4	Tổng số lao động	Người	945	934	Giảm 11 người
5	Thu nhập bình quân/người/tháng	1.000 đ	9.356	9.652	103,16%
6	Nộp Ngân sách nhà nước	Tr.đồng	79.800	83.009	104%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	48.300	48.516	100,447%
8	Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	%	8,2%	8,2%	100%

2.1.2. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Trên cơ sở các dự án, công trình đầu tư xây dựng cơ bản đã được Hội đồng quản trị phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án công trình chuyển tiếp và các công trình đầu tư mới:

- Các dự án công trình chuyển tiếp: 46 dự án, công trình.
- Các công trình đầu tư mới: 52 dự án, công trình

Số lượng các dự án công trình nhiều nhưng tổng mức đầu tư của các dự án công trình nhỏ, phần lớn là cải tạo nâng cấp, nâng công suất, thay thế di chuyển các tuyến ống phục vụ giải phóng mặt bằng thi công đường, chỉnh trang đô thị, các công trình đầu tư mới là các công trình cấp thiết nhằm đáp ứng đủ nguồn và năng lực truyền tải cấp nước phục vụ nhu cầu bức thiết của khách hàng. Quy mô, tổng tổng mức đầu tư đều thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

Qua giám sát chỉ đạo Hội đồng quản trị nhận thấy phần lớn các công trình đều triển khai đúng tiến độ, tuy nhiên một số công trình tiến độ vẫn còn chậm do một số nguyên nhân khách quan như vướng mắc giải phóng mặt bằng, một số công trình đã thi công xong, đã được bàn giao đưa vào sử dụng đáp ứng đủ nguồn, năng lực truyền tải đảm bảo cấp nước cho khách hàng tăng doanh thu, góp phần tăng lợi nhuận.

2.2. Kết quả thực hiện các nội dung khác:

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán: Trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị đã lựa chọn và quyết định đơn vị kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2025 của công ty là: Công ty kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE), kịp thời thực hiện công tác kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2025 theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chi trả tiền lương, thù lao cho người quản lý công ty:

Căn cứ mức tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo Nghị quyết ĐHĐCD ngày 20/6/2025, trên cơ sở kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và các quy định của pháp luật có liên quan, Hội đồng quản trị đề xuất quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 trình Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Tổng Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát là: 1.362.000.000 đồng

3. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.

Hội đồng quản trị giám sát thông qua việc xem xét các báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh các tháng, quý, năm qua việc tham dự các cuộc họp giao ban hàng tháng và báo cáo giám sát của Ban kiểm soát để quản trị và chỉ đạo kịp thời các hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc theo các nghị quyết của Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong năm 2024 đã có nhiều nỗ lực và quyết tâm trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao, nhất là trong khi tình hình kinh tế xã hội thế giới diễn biến rất phức tạp, lạm phát tăng cao, chiến tranh Nga – Ucraina, xung đột Isarel - Palestin...cũng như trong nước diễn biến rất phức tạp nói chung và tỉnh Hải Dương nói riêng.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản theo đúng định hướng chiến lược và chỉ đạo của Hội đồng quản trị; tuân thủ chặt chẽ các quy định quản trị và quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp.

- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ cho các thành viên và định kỳ họp để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.

- Ban Tổng giám đốc đã báo cáo thường xuyên cho Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư các dự án. Với việc trao đổi, cập nhật thông tin nhanh chóng và kịp thời qua đó, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt rõ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và chỉ đạo công ty hoạt động hiệu quả theo định hướng chiến lược đã đề ra.

- Ban Tổng giám đốc thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định và thông báo của Hội đồng quản trị.

Tuy nhiên, trong chỉ đạo điều hành, một số dự án công trình còn chậm tiến độ, do vướng mắc về công tác giải phóng mặt bằng thi công và chưa quyết liệt chỉ đạo các đơn vị thi công hoàn thiện hồ sơ thanh, quyết toán công trình.

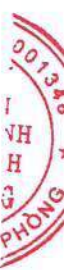
4. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên.

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên, các thành viên đã bám sát các nhiệm vụ được phân công cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao, thường xuyên nhận được thông báo từ Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua các văn bản Email hoặc điện thoại về tình hình hoạt động của công ty để thống nhất ý kiến chỉ đạo, quyết định và giám sát Ban tổng giám đốc triển khai thực hiện, nội bộ đoàn kết có sự phối hợp thường xuyên, kịp thời với Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong công tác giám sát và chỉ đạo.

III. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

- Trên cơ sở các quy định của pháp luật và điều lệ công ty, Hội đồng quản trị tập trung xem xét ban hành các nghị quyết, quyết định về chủ trương, chính sách, cơ chế tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu cơ bản sau:

+ Sản lượng nước sạch doanh thu:	68.800.000 m ³
+ Tổng doanh thu:	614,950 tỷ đồng
+ Lợi nhuận sau thuế:	49,900 tỷ đồng
+ Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến:	8,2 %



+ Bảo toàn và phát triển vốn của công ty

- Định hướng phát triển tốt mối quan hệ với các nhà đầu tư và các cổ đông, đảm bảo công bố thông tin theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác giám sát chỉ đạo Ban tổng giám đốc trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ, của Hội đồng quản trị, nhất là trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản nhằm đảm bảo đủ nguồn nước cấp và năng lực truyền tải đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

- Phối hợp với Ban kiểm soát kiểm soát nhằm kiểm soát chi phí nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh, lợi nhuận, đồng thời đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, của doanh nghiệp, của các cổ đông, người lao động và cộng đồng.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị năm 2025 và định hướng, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026.

Trân trọng kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thảo luận thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tài liệu Đại hội;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Mạnh Dũng

Số: 587/BC-BKS

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021;

Căn cứ vào Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-HĐQT ngày 29/6/2021;

Căn cứ vào Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát ban hành tại Quyết định số 1067/QĐ-BKS ngày 29/6/2021;

Căn cứ kế hoạch công tác của Ban kiểm soát và kết quả thực hiện kiểm soát của Ban kiểm soát năm 2025;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương báo cáo hoạt động của Ban năm 2025 như sau:

I. MỤC TIÊU KIỂM SOÁT

1. Kiểm soát tuân thủ: Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của năm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua.

2. Kiểm soát hoạt động: Xem xét, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, kiểm tra trực tiếp tại các chi nhánh nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng từ đó đề xuất kiến nghị những giải pháp phù hợp cho Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty.

3. Kiểm soát Báo cáo tài chính: Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, cả năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với kiểm toán độc lập vào giữa kỳ và cuối kỳ để xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính, giám sát ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm Soát

Số TT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu là Thành viên Ban kiểm soát	Số buổi họp Ban kiểm soát tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trần Thị Thanh Ngân	Trưởng ban	16/3/2017	4	100%	
2	Nguyễn Thị Thu Hằng	KSV	16/3/2017	4	100%	
3	Trần Thị Huệ	KSV	30/6/2022	4	100%	

2. Triển khai công việc của Ban Kiểm soát Công ty

Năm 2025, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính, công tác quản lý, điều hành của Công ty thông qua các hoạt động chủ yếu sau:

- Hàng quý Ban Kiểm soát đều tổ chức họp định kỳ đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin nội bộ nhằm mục đích kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo chức năng quy định.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc.

- Thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, giám sát các hoạt động và đưa ra các ý kiến về báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm của Công ty.

- Theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản; xem xét các chỉ số và tỷ trọng chỉ tiêu hàng quý và năm thông qua các buổi họp định kỳ của Ban kiểm soát.

- Đề xuất việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, họp giao ban hàng tháng và các cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị và TGD chủ trì để nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, tham gia đóng góp ý kiến trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt.

- Phối hợp với các phòng ban trong công tác kiểm tra, giám sát để nâng cao chất lượng quản trị, hạn chế và phòng ngừa rủi ro.

3. Tổng hợp các cuộc họp của Ban Kiểm soát năm 2025

Năm 2025 Ban kiểm soát tổ chức họp 4 lần, cụ thể như sau:

Cuộc họp lần thứ nhất ngày 11/03/2025: Thông qua kết quả kiểm toán BCTC năm 2024, triển khai kế hoạch hoạt động ban 6 tháng đầu năm;

Cuộc họp lần thứ hai ngày 17/04/2025: Soát xét báo cáo tài chính quý I/2025, xây dựng báo cáo thường niên trình ĐHĐCĐ và một số công việc chuyên môn khác;

Cuộc họp lần thứ ba ngày 23/7/2025: Gồm các nội dung chính sau:

- a. Thông qua Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025;
- b. Phân tích, đánh giá các chỉ số tài chính 6 tháng đầu năm;
- c. Triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm.



Cuộc họp thứ tư ngày 25/12/2025: Gồm những nội dung sau:

a. Họp tổng kết công tác Ban kiểm soát năm 2025 và đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 2026. Xây dựng báo cáo kết quả hoạt động của Ban 6 tháng cuối năm 2025 và báo cáo tổng kết Ban trình ĐHĐCĐ

b. Triển khai kế hoạch soát xét báo cáo tài chính năm 2025

c. Tham gia ý kiến vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2026

Trong quá trình làm việc, Ban kiểm soát thường xuyên thực hiện trao đổi công việc qua các email, điện thoại để hoạt động được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao.

Trên cơ sở kiểm soát, Ban kiểm soát nhận thấy Công ty tuân thủ đúng pháp luật, không có thiếu sót trọng yếu, các yếu tố rủi ro có thể xảy ra được dự báo trước để có biện pháp phòng ngừa.

4. Đánh giá kết quả từng thành viên

4.1. Bà Trần Thị Thanh Ngân: Trưởng ban

Trưởng ban kiểm soát đã thực hiện đúng quyền và trách nhiệm theo mục 3 Điều 37, Khoản 1 Điều 38 Điều lệ Công ty; thực hiện triệu tập và chủ trì các phiên họp Ban kiểm soát; đề nghị Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin liên quan phục vụ công việc của Ban kiểm soát; tổng hợp và lập báo cáo của Ban kiểm soát sau khi có ý kiến tham khảo của Hội đồng quản trị và trình lên ĐHĐCĐ; tổng hợp và lập biên bản kiểm soát định kỳ và đột xuất của Ban kiểm soát. Phụ trách và giải quyết trực tiếp các yêu cầu đột xuất theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp hiện hành.

Thường xuyên cập nhật các chế độ, quy định của pháp luật để kiểm tra tính tuân thủ, kiểm soát về công tác đầu tư, sổ sách chứng từ kế toán.

Cùng với các thành viên Ban kiểm soát sâu sát trong việc kiểm soát hoạt động quản lý điều hành sản xuất kinh doanh năm 2025 bám sát theo định hướng phát triển được ĐHĐCĐ thông qua.

4.2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Kiểm Soát viên chuyên trách.

Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Kiểm tra, kiểm soát công tác tổ chức của Công ty;
- Kiểm tra, kiểm soát việc quản lý, sử dụng tài sản cố định và thực hiện các dự án đầu tư;
- Kiểm tra, kiểm soát công tác tổ chức hạch toán, luân chuyển chứng từ, tính hợp pháp và hợp lý chứng từ kế toán, việc thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước;
- Kiểm tra, kiểm soát việc quản lý tiền mặt, ngân hàng, công nợ, hàng hóa, tài sản ngắn hạn;
- Kiểm tra, kiểm soát doanh thu, chi phí, phân tích báo cáo tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Phối hợp làm việc với tổ chức kiểm toán độc lập để xem xét báo cáo tài chính của Công ty, cùng làm rõ các vấn đề do kiểm toán đưa ra (nếu có);
- Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Trưởng ban.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ đã bám sát nhiệm vụ được phân công, chủ động trong việc, phối kết hợp chặt chẽ với các thành viên Ban kiểm soát.

4.3. Bà Trần Thị Huệ - Kiểm Soát viên chuyên trách.

Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Kiểm tra, kiểm soát thực hiện sản xuất kinh doanh bám sát với định hướng chiến lược kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương thông qua;
- Kiểm tra, kiểm soát thực hiện hợp đồng lao động, các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động;
- Kiểm soát thực hiện các quy trình sản xuất, công nghệ, quy định về an toàn lao động, công tác phòng chống cháy nổ;
- Xem xét thực hiện phân chia cổ tức, kiểm tra công tác ký kết hợp đồng;
- Kiểm tra kiểm soát việc chấp hành nghĩa vụ của Công ty theo quy định của pháp luật bao gồm: nghĩa vụ thuế, phí, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác;
- Phối hợp làm việc với tổ chức kiểm toán độc lập để xem xét báo cáo tài chính của Công ty, cùng làm rõ các vấn đề do kiểm toán đưa ra (nếu có);
- Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Trường ban.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ đã bám sát nhiệm vụ được phân công, chủ động trong việc phối kết hợp chặt chẽ với các thành viên Ban kiểm soát.

Trên cơ sở kết quả nêu trên, Ban kiểm soát tự đánh giá: Tập thể Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát; quá trình kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các mặt hoạt động khác của Công ty.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Kết quả giám sát thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025

1.1. Thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025

Ban kiểm soát thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình, thống nhất đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025 của Công ty cổ phần KDNS Hải Dương như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Sản lượng nước máy thương phẩm	Triệu m ³	64,8	67,3	103,79%
2	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	13,8	15	
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	619.400	604.458	98%
4	Tổng số lao động	Người	945	934	Giảm 11 người
5	Thu nhập bình quân/người/tháng	1.000 đ	9.356	9.652	103,16%
6	Nộp Ngân sách nhà nước	Tr.đồng	79.800	83.009	104%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	48.300	48.516	100,447%
8	Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	%	8,2%	8,2%	100%

1.2. Thực hiện phương án tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người lao động năm 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số người	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Tr.đ/ng/th	1	37	37	100%
2	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị – Thù lao	Tr.đ/ng/th	1	3	3	100%
3	Thành viên Hội đồng quản trị (không quản lý điều hành Công ty)	Tr.đ/ng/th	1	6	6	100%
4	Trưởng ban kiểm soát	Tr.đ/ng/th	1	26	26	100%
5	Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách	Tr.đ/ng/th	2	17	17	100%
7	Thành viên Hội đồng quản trị (kiêm nhiệm chức danh quản lý) – Thù lao	Tr.đ/ng/th	4	2	2	100%

- Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: 1.362.000.000 đ

- Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động: 108.179.616.000 đ

1.3. Trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 7.019.742.400 đ

- Quỹ đầu tư phát triển: 13.199.685.141 đ

1.4. Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 983/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2025. Tỷ lệ cổ tức: 8,1%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 810 đồng) Tổng số tiền chi trả là 25.824.800.700 đồng

b. Thời gian chi trả cổ tức: ngày 30/9/2025

Riêng cổ tức của cổ đông nhà nước thực hiện chi trả vào ngày 30/09/2025, số tiền theo quy định tại Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 đảm bảo thời hạn chi trả cổ tức trong vòng 45 ngày kể từ ngày có thông báo chi trả cổ tức.

c. Các cổ đông chưa lưu ký nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản đăng ký theo mẫu Công ty quy định.

Trong quá trình trả cổ tức Ban kiểm soát đã phối hợp với công ty hỗ trợ các cổ đông, giải đáp mọi thắc mắc liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các cổ đông.

2. Kết quả giám sát tài chính

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính năm 2025 gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE.LTD), xem xét các hồ sơ kế toán đến thời điểm 31/12/2025. Sau khi xem xét, kiểm tra Ban kiểm soát có nhận xét như sau:

- Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2025 trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, thực hiện hạch toán của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

- Công ty tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán, lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp và nhất quán, phù hợp với đặc điểm mô hình hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý của Công ty.

- Báo cáo Tài chính năm 2025, Ban kiểm soát có một số ý kiến sau:

+ Ban kiểm soát nhất trí với BCTC năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE.Ltd).

a. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2025

(Số liệu được trích từ BCTC năm 2025 đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: VN đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025	01/01/2025	Tăng – Giảm
A	Tài sản ngắn hạn	73.493.071.501	68.735.849.351	4.757.222.150
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	12.140.515.042	10.192.762.023	1.947.753.019
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	17.191.502.321	20.579.056.505	(3.387.554.184)
IV	Hàng tồn kho	38.960.372.024	35.974.456.785	2.985.915.239
V	Tài sản ngắn hạn khác	5.200.682.114	1.989.574.038	3.211.108.076
B	Tài sản dài hạn	838.497.777.910	841.691.377.272	(3.193.599.362)
II	Tài sản cố định	755.895.781.887	794.741.845.684	(38.846.063.797)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	41.273.011.830	11.616.986.977	29.656.024.853
VI	Tài sản dài hạn khác	41.328.984.193	35.332.544.611	5.996.439.582
	Tổng cộng tài sản	911.990.849.411	910.427.226.623	1.563.622.788
C	Nợ phải trả	438.134.374.130	452.242.379.973	(14.108.005.843)
I	Nợ ngắn hạn	159.966.737.462	110.904.732.929	49.062.004.533
II	Nợ dài hạn	278.167.636.668	341.337.647.044	(63.170.010.376)
D	Vốn chủ sở hữu	473.856.475.281	458.184.846.650	15.671.628.631
I	Vốn chủ sở hữu	473.856.475.281	458.184.846.650	15.671.628.631
1	Vốn góp của chủ sở hữu	318.824.708.995	318.824.708.995	
2	Vốn khác của chủ sở hữu	82.922.526.064	82.922.526.064	
3	Quỹ đầu tư phát triển	23.593.068.491	10.393.383.350	13.199.685.141
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	48.516.171.731	46.044.228.241	2.471.943.490
	Tổng cộng nguồn vốn	911.990.849.411	910.427.226.623	1.563.622.788

b. Bộ chỉ số đánh giá sức khỏe tài chính của Công ty.

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025	01/01/2025	Chênh lệch
I. Cơ cấu tài sản				
1	Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	0,92	0,92	0
2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,08	0,08	0
II. Cơ cấu nguồn vốn				
1	Nợ phải trả/Vốn CSH	0,92	0,99	(0,07)
2	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,48	0,50	(0,02)
3	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	0,52	0,50	0,02

III. Khả năng thanh toán.				
1	Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng TS/Tổng nợ phải trả)	2,08	2,01	0,07
2	Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/Nợ NH)	0,46	0,62	(0,16)
3	Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK/Nợ NH)	0,22	0,30	(0,08)
4	Khả năng thanh toán nợ dài hạn (Giá trị còn lại của TSCĐ/Nợ DH)	2,72	2,33	0,39
5	Khả năng thanh toán lãi vay (LN trước thuế và lãi vay/lãi vay)	5,77	4,88	0,89
IV. Hiệu quả.				
1	Tỷ suất sinh lợi của tổng tài sản - ROA (LNST/Tổng TS)	5,32%	5,06%	0,26
2	Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu - ROE (LNST/Vốn CSH)	10,24%	10,05%	0,19
3	Tỷ suất sinh lợi doanh thu thuần - ROS (LNST/Doanh thu thuần)	8,04%	8,09%	(0,05)
4	EPS - Tỷ suất lợi nhuận trên cổ phiếu (LNST/Tổng cổ phiếu)	1.521,72	1.444,19	77,53
5	BV - Giá trị sổ sách (Tổng TS – TSCĐ vô hình – Tổng nợ)/ Tổng số cổ phiếu lưu hành	14.863	14.368	495

Nhận xét: Theo số liệu trên BCTC năm 2025 và bảng tính toán bộ chỉ số đánh giá sức khỏe tài chính của Công ty thì chúng tôi có một số nhận xét như sau:

- Về cơ cấu tài sản: Không có sự thay đổi về cơ cấu tài sản, nhưng xét từng chỉ tiêu tài chính cụ thể thì có nhiều sự thay đổi có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

+ Tài sản ngắn hạn tăng 4.757.222.150đ, chủ yếu do tài sản ngắn hạn khác tăng 3.211.108.076đ và hàng tồn kho tăng 2.985.915.239đ. Công ty đã rất tích cực đơn đốc thu hồi công nợ, các khoản phải thu ngắn hạn giảm -3.387.554.184đ. Tuy nhiên hàng tồn kho tăng Công ty cần tích cực rà soát tận dụng sử dụng hàng tồn kho có sẵn trong kho từ đó tiết kiệm được nguồn tiền hiệu quả hơn.

+Tài sản dài hạn giảm -3.193.599.362, trong đó là do TSCĐ giảm - 38.846.063.797 đ, tài sản dài hạn khác tăng 5.996.439.582đ, tuy nhiên TSCĐ đang tăng 29.656.024.853đ.

- Về cơ cấu nguồn vốn: Cơ cấu Nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu giảm -0,07 và Nợ phải trả/tổng nguồn vốn giảm -0,02 là do Nợ phải trả năm 2025 giảm - 14.108.005.843 đồng so với năm 2024 và cơ cấu NVCSH/Tổng NV tăng +0,02. Công ty đã rất nỗ lực trong việc cân đối nguồn tiền trả nợ, đồng thời ổn định dòng tiền để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Về hệ số thanh toán năm 2025 so với năm 2024 khả năng thanh toán của Công ty vẫn duy trì tốt: hệ số thanh toán tổng quát tăng 0,07; tuy nhiên hệ số thanh toán hiện hành giảm -0,16, hệ số thanh toán nhanh giảm 0,08 là do thay đổi về thời gian chi trả quyết toán lương cho NLĐ, hệ số thanh toán nợ dài hạn tăng 0,39 và hệ số thanh toán lãi vay tăng nhiều 0,88 do năm 2025 Công ty đã rất tích cực bố trí dòng tiền dài hạn để thanh toán các khoản công nợ, lợi nhuận trước thuế năm 2025 tăng so với năm 2024.

- Về hệ số đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh:

+ Các chỉ số ROA tăng 0,26 do tỷ trọng tăng của lợi nhuận nhiều hơn tỷ trọng tăng của tài sản, ROE tăng 0,19 do tỷ trọng tăng của lợi nhuận cao hơn tỷ trọng tăng của Vốn chủ sở hữu, ROS giảm -0,04 do tỷ trọng tăng của lợi nhuận thấp hơn tỷ trọng tăng của doanh thu

+ Chỉ số EPS tăng 77,53 do lợi nhuận sau thuế năm 2025 tăng so với năm 2024

+ Chỉ số BV tăng +495 so với năm 2024 cho thấy hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn được đảm bảo và phát triển.

c. Tình hình các khoản công nợ

* Các khoản phải thu:

Chỉ tiêu	01/01/2025	31/12/2025	Chênh lệch
Phải thu của khách hàng	16.281.850.329	13.921.636.561	-2.360.213.768
Nợ phải thu	1.733.869.651	1.252.530.377	-481.339.274
Phải thu khác	2.563.336.525	2.017.335.383	-546.001.142
Tổng	20.579.056.505	17.191.502.321	-3.387.554.184

Nhận xét:

- Nợ phải thu cuối kỳ giảm 3.387.554.184 đồng, trong đó chủ yếu do phải thu của khách hàng giảm 2.360.213.768 đ. Các khoản phải thu đều giảm so với năm trước. Tuy nhiên, nợ phải thu vẫn cao, nhiều khách hàng vẫn chây ỳ, nợ đọng tiền nước quá lâu. Đề nghị Công ty tiếp tục tăng cường công tác thu hồi công nợ, điều chỉnh các quy định về thanh toán đối với các khách hàng lớn nhằm hạn chế tối đa công nợ phải thu, tăng dòng tiền cho Công ty.

* Các khoản phải trả

	Chỉ tiêu	31/12/2025	01/01/2025	Chênh lệch
I	Nợ ngắn hạn	159.966.737.462	110.904.732.929	49.062.004.533
1	Phải trả người bán ngắn hạn	62.743.754.475	56.115.265.035	6.628.489.440
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.890.446.231	1.348.512.412	541.933.819
3	Thuế & các khoản phải nộp NN	11.744.846.494	10.964.933.592	779.912.902
4	Phải trả người lao động	19.694.372.672	8.879.440.147	10.814.932.525
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.135.001.249	154.241.320	980.759.929
6	Phải trả ngắn hạn khác	19.183.851.477	16.296.890.827	2.886.960.650
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	40.942.464.050	8.863.582.450	32.078.881.600
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.632.000.814	8.281.867.146	(5.649.866.332)
II	Nợ dài hạn	278.167.636.668	341.337.647.044	(63.170.010.376)
1	Phải trả dài hạn khác	105.288.020.313	112.490.020.313	(7.202.000.000)
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	172.879.616.355	228.847.626.731	(55.968.010.376)
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	438.134.374.130	452.242.379.973	(14.108.005.843)

- Nợ phải trả cuối kỳ giảm 14.108.005.843đ, do Nợ ngắn hạn tăng 49.062.004.533 đ và nhưng Nợ dài hạn giảm mạnh 63.170.010.376 đ. Nợ ngắn hạn tăng nhiều dẫn đến vốn lưu động ròng âm làm ảnh hưởng đến dòng tiền lưu động. Năm 2024 vốn lưu động ròng là -42.168.883.578đ, năm 2025 là -86.473.665.961đ. Nguyên nhân là do thay đổi thời gian chi trả quyết toán lương cho NLĐ. Tuy nhiên vốn lưu động ròng âm nhiều vẫn làm ảnh hưởng đến dòng tiền của Công ty. Do vậy đề nghị Công ty sắp xếp cân đối lại nguồn vốn, nhanh chóng thiết lập lại trạng thái cân bằng tài chính.

d. Công tác đầu tư XDCB

- Các dự án công trình chuyển tiếp từ năm 2024 sang: 46 công trình

- Các dự án công trình đầu tư mới năm 2025: 52 công trình

Năm 2025, giá trị ĐTXDCB hoàn thành giảm 421.666.132đ so với năm 2024 (Năm 2024: 71.287.014.315 đ; năm 2025: 70.865.348.183đ);

Năm 2025, giá trị ĐTXDCB dở dang cuối kỳ tăng 29.656.024.853 đồng so với năm 2024 (Năm 2024: 11.616.986.977 đ, năm 2025: 41.273.011.830đ). Công ty đang tập trung đầu tư, nâng cấp các dự án để đảm bảo cung cấp nước đến các khu vực xa còn tình trạng thiếu nước. Năm 2025 Công ty đưa vào tăng tài sản công trình đầu tư XDCB hoàn thành tổng giá trị 68.125.636.013 đ. Tuy nhiên giá trị ĐTXDCB dở dang cao. Đề nghị Công ty đẩy nhanh tiến độ, nhanh chóng đưa các công trình vào sử dụng, tránh gây ứ đọng vốn, gây tăng chi phí lãi vay và làm giảm hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

Các công trình dự án đầu tư năm 2025 đều là những công trình dự án quan trọng, thiết yếu, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Những công trình sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy giá trị kinh tế, xã hội đảm bảo mục tiêu cung cấp đầy đủ nước sạch sinh hoạt cho nhân dân và nước sạch sản xuất cho các cơ quan, doanh nghiệp.

e. Tài sản cố định hữu hình

* Nguyên giá:

- Số dư đầu kỳ: 2.068.148.426.795 đ

- Tăng trong kỳ: 71.156.449.104 đ, trong đó:

+ Tăng do mua sắm mới TSCĐ: 3.030.813.091 đ

+ Tăng do đầu tư XDCB hoàn thành: 68.125.636.013 đ

- Giảm trong kỳ : 1.678.080.584 đ, trong đó:

+ Giảm do tháo dỡ: 1.678.080.584 đ

- Số dư cuối kỳ: 2.137.626.795.315 đ

Trong đó tài sản hết khấu hao vẫn sử dụng: 509.967.926.694 đ

* Giá trị hao mòn lũy kế

- Số dư đầu kỳ: 1.273.492.914.444 đ

- Tăng trong năm: 108.813.537.577 đ

- Giảm do tháo dỡ: 571.339.722 đ

- Số dư cuối kỳ: 1.381.735.112.299 đ

* Giá trị còn lại

- Giá trị còn lại đầu kỳ: 794.655.512.351 đ

- Giá trị còn lại cuối kỳ: 755.891.683.016 đ

f. Đánh giá về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

Người có liên quan thực hiện giao dịch với Công ty là bà Phạm Thị Mận – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cấp nước Phúc Hưng Hải Dương, là đại diện ủy quyền của Công ty cấp nước Phúc Hưng là tổ chức sở hữu 12% cổ phần. Hiện bà Phạm Thị Mận đang giữ chức thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần KDNS Hải Dương

Hợp đồng giữa mua bán nước qua đồng hồ tổng giữa Công ty cổ phần KDNS Hải Dương và Công ty cấp nước Phúc Hưng đã được ĐHĐCĐ năm 2017 chấp thuận.

Các giao dịch phát sinh trong năm 2025 như sau:

Mua hàng: 16.674.822.000 đ tăng 2.566.047.600 đ so với năm 2024

Phải trả người bán: 258.960.600 đ giảm 1.018.815.280 đ so với năm 2024

3. Giám sát việc thực hiện Nội quy, quy chế và đảm bảo chế độ, quyền lợi của người lao động.

Công ty đã xây dựng được hệ thống các quy chế quản lý nội bộ: Quy chế tổ chức và quản lý, Quy chế tổ chức cán bộ, Quy chế khoán tiền lương và các chi phí khác, Quy chế thi đua khen thưởng, Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động....Trong năm qua Công ty đã tuân thủ đúng và nghiêm chỉnh các quy định trong Quy chế quản lý nội bộ và các quy định khác của pháp luật.

Các chế độ quyền lợi của người lao động trong Công ty được thực hiện đúng Luật lao động; việc chi trả lương hàng tháng thực hiện đúng thời gian quy định, các chế độ thi đua khen thưởng cũng như các khoản phúc lợi được thực hiện đầy đủ, thu nhập của người lao động được đảm bảo ổn định và cao hơn kế hoạch.

IV. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG.

1. Đối với Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 20/6/2025. Hội đồng quản trị đã tổ chức 07 cuộc họp, ban hành 07 Nghị quyết và các quyết định, văn bản phê duyệt. Các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành, được sự thống nhất cao của các thành viên.

2. Đối với Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc đã triển khai để các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, tuân thủ theo các quy định của pháp luật, chỉ đạo quyết liệt chi tiết, cụ thể kịp thời, có đánh giá, kiểm soát việc thực hiện tại tất cả các đơn vị. Chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng Giám đốc để điều hành sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

3. Đối với các nhà đầu tư, cổ đông

Giữa hai kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên 2024-2025, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hay cổ đông lớn theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

8000
CÔNG TY
PHÂN
DOANH
SÁCH
DƯƠNG
HẢI P

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác của công ty và các đơn vị trực thuộc

Ban kiểm soát luôn luôn phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các người điều hành khác trong các hoạt động của Ban. Sẵn sàng tiếp nhận thông tin kiểm tra xem xét khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, của Ban Tổng giám đốc và các cổ đông.

- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, quyết định cho BKS, tạo điều kiện cho BKS trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giúp BKS hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

- Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2026;
- Thẩm định BCTC hàng quý, bán niên và cả năm 2026;
- Tham gia công tác chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026;
- Kiểm tra, giám sát các thủ tục trình tự công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát 6 tháng, cả năm;
- Đánh giá lại cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách tham dự ĐHĐCĐ;
- Đề xuất lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính năm 2026;
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ về chi trả cổ tức năm 2025 và thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026;
- Thực hiện các chương trình soát xét khác.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hoạt động Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát năm 2025.

Trân trọng kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua.

Nơi nhận:

- BTC ĐHĐCĐ;
- HĐQT; Ban TGD;
- Ban KS;
- Lưu VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Trần Thị Thanh Ngân

Số: 588/TTr-BKS

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Thông qua tiêu chí và danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập
các báo cáo tài chính năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương thông qua ngày 25/6/2021;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-HĐQT ngày 29/6/2021;

Căn cứ Quyết định số 3830/QĐ-BTC ngày 14/11/2025 của Bộ tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026;

Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tiêu chí lựa chọn, danh sách đề xuất lựa chọn các doanh nghiệp kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty năm 2026 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập thuộc danh sách các doanh nghiệp kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026 theo quyết định số 3830/QĐ-BTC ngày 14/11/2025 của Bộ tài chính và được UBCK nhà nước chấp thuận;

- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và kinh nghiệm, trung thực, khách quan, có uy tín, đề cao đạo đức nghề nghiệp;

- Không có quan hệ mua bán cổ phiếu, tài sản hoặc góp vốn liên doanh với Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương;

- Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi, tiến độ và chất lượng kiểm toán;

- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Danh sách đề xuất các đơn vị kiểm toán:

1. Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE)

2. Công ty TNHH kiểm toán An Việt (ANVIET)

3. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY (UHY)

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn và ký kết hợp đồng đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

TM. BAN KIỂM SOAT

Trưởng ban



Trần Thị Thanh Ngân

Số: 589 /TTr-HĐQT

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Mức tiền lương, thù lao thực hiện của HĐQT, BKS năm 2025
và mức tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2026

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương thông qua ngày 25/6/2021.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/6/2025.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Mức tiền lương, thù lao HĐQT, BKS thực hiện năm 2025 và mức tiền lương, thù lao HĐQT, BKS kế hoạch năm 2026 như sau:

I. Mức tiền lương, thù lao thực hiện của HĐQT, BKS năm 2025.

1. Mức lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/6/2025:

TT	Chức danh quản lý	Mức lương (đồng/tháng)	Mức thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	37.000.000	
2	Phó CT HĐQT		3.000.000
3	Thành viên HĐQT (không CTr)		6.000.000
4	Trưởng BKS (CTr)	26.000.000	
5	Thành viên BKS (CTr)	17.000.000	
6	Thành viên BKS (CTr)	17.000.000	
7	Tổng giám đốc		2.000.000
8	Phó tổng giám đốc		2.000.000
9	Thành viên HĐQT (không CTr) - Trưởng phòng TCHC		2.000.000

2. Nguyên tắc trả lương:

- Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách tại Công ty được trả lương chuyên trách, không hưởng thù lao.

- Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty (TGD, Phó TGD, Trưởng phòng Tổ chức hành chính) hưởng lương chuyên trách đối với các chức danh quản lý, lãnh đạo đó và hưởng thêm thù lao thành viên HĐQT.

- Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thì được hưởng thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS HĐQT hưởng lương chuyên trách gồm có 01 người: Chủ tịch HĐQT.

HĐQT Hưởng thù lao có: 06 người.

BKS hưởng lương chuyên trách gồm có: 03 người (Trưởng BKS, 02 Thành viên.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
1	Sản lượng nước sạch doanh thu	1.000 m ³	64.800	67.261	103,797%
2	Tổng doanh thu nước	Tr.đồng	595.750	582.986	97,857%
3	Lao động bình quân (không kể Ban điều hành)	Người	945	929	
4	Năng suất lao động	m3/ng/năm	68.571	72.014	
5	Nộp ngân sách	Tr.đồng	79.800	83.126	104,167%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	61.200	61.335	100,220%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	48.300	48.516	100,447%
8	Vốn Doanh nghiệp		Bảo toàn và phát triển vốn	Bảo toàn và phát triển vốn	

Căn cứ các quy định về thù lao, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước. Hội đồng quản trị đề xuất Mức lương tương ứng mức tăng lợi nhuận 0%.

Mức lương, thù lao thực hiện năm 2025 của HĐQT, BKS cụ thể:

TT	Chức danh quản lý	Mức lương (đồng/tháng)	Mức thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	37.000.000	
2	Phó CT HĐQT		3.000.000
3	Thành viên HĐQT (không CTr)		6.000.000

4	Trưởng BKS (CTr)	26.000.000	
5	Thành viên BKS (CTr)	17.000.000	
6	Thành viên BKS (CTr)	17.000.000	
7	Tổng giám đốc		2.000.000
8	Phó tổng giám đốc		2.000.000
9	Thành viên HĐQT (không CTr) - Trưởng phòng TCHC		2.000.000

II. Mức tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2026.

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Sản lượng nước sạch	1000 m ³	68.800
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	595.800
3	Nộp ngân sách	Tr.đồng	83.600
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	61.800
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	49.900
6	Vốn Doanh nghiệp		Bảo toàn và phát triển vốn

2. Nguyên tắc trả lương:

- Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách tại Công ty được trả lương chuyên trách, không hưởng thù lao.

- Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty (TGD, Phó TGD, Trưởng phòng Tổ chức hành chính) hưởng lương chuyên trách đối với các chức danh quản lý, lãnh đạo đó và hưởng thêm thù lao thành viên HĐQT.

- Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thì được hưởng thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS. HĐQT hưởng lương chuyên trách gồm có 01 người: Chủ tịch HĐQT.

HĐQT Hưởng thù lao có: 06 người.

BKS hưởng lương chuyên trách gồm có: 03 người, Trưởng BKS, 02 Thành viên.

2. Mức tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của HĐQT, BKS.

Căn cứ quy định quản lý lao động, thù lao, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước, Hội đồng quản trị đề xuất xây dựng mức tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2026 cụ thể như sau:

TT	Chức danh quản lý	Mức lương (đồng/tháng)	Mức thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	37.000.000	
2	Phó CT HĐQT		3.000.000
3	Thành viên HĐQT (không CTr)		6.000.000
4	Trưởng BKS (CTr)	26.000.000	
5	Thành viên BKS (CTr)	17.000.000	
6	Thành viên BKS (CTr)	17.000.000	
7	Tổng giám đốc		2.000.000
8	Phó tổng giám đốc		2.000.000
9	Thành viên HĐQT (không CTr) - Trưởng phòng TCHC		2.000.000

3. Mức tiền lương, thù lao thực hiện năm 2026 của HĐQT, BKS.

Cuối năm, căn cứ vào mức lương, thù lao và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch tại khoản 2 mục 2; Kết quả thực hiện các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 tại khoản 1 mục 2 Tờ trình này và quy định của nhà nước về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét và quyết định Mức tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2026 và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2027.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tài liệu Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Vũ Mạnh Dũng

Số: 590 /BC-HĐQT

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO
Công khai lợi ích liên quan của người nội bộ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021.

Qua tổng báo cáo công khai của người nội bộ công ty, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương tổng hợp báo cáo Đại hội đồng cổ đông về công khai lợi ích liên quan của người nội bộ cụ thể như sau:

1. Danh sách người nội bộ công ty

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Mạnh Dũng	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên HĐQT- Tổng giám đốc
3	Nguyễn Văn Phụng	Phó Chủ tịch HĐQT
4	Vũ Văn Nhân	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc
5	Nguyễn Thái Dũng	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc
6	Nguyễn Thị Hương	Kế toán trưởng
7	Phạm Thị Mận	Thành viên HĐQT
8	Vũ Chí Phương	Thành viên HĐQT- Trưởng phòng TCHC
9	Trần Thị Thanh Ngân	Trưởng Ban kiểm soát
10	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên Ban kiểm soát
11	Trần Thị Huệ	Thành viên Ban kiểm soát
12	Trần Hữu Định	Thư ký công ty – Người quản trị nội bộ

2. Lợi ích có liên quan của người nội bộ

2.1. Ông Vũ Mạnh Dũng – Chủ tịch HĐQT

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 39.400 cổ phiếu, chiếm 0,12% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện cho UBND thành phố Hải Phòng: 12.354.458 cổ phiếu, chiếm 38,75% vốn điều lệ thực góp.

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Thị Hà	Em gái	7.300	0,0229
2	Nguyễn Bá Quyết	Em rể	232.200	0,73

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Hưởng lương Chủ tịch HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.2. Ông Nguyễn Thanh Sơn – Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 30.100 cổ phiếu, chiếm 0,09% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện cho UBND thành phố Hải Phòng: 2.789.716 cổ phiếu, chiếm 8,75% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Em gái	7.065	0,022
2	Nguyễn Văn Đoàn	Anh rể	36.900	0,116
3	Vũ Bá Long	Em rể	27.300	0,086

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Tổng giám đốc công ty và thù lao thành viên HĐQT.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.3. Ông Nguyễn Văn Phụng - Phó Chủ tịch HĐQT

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 28.700 cổ phiếu, chiếm 0,09% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện: không có.

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Trâm Anh	Con gái	8.100	0,025
2	Phạm Văn Thao	Con rể	3.300	0,01

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Phó Tổng giám đốc (nghỉ hưu kể từ ngày 01/11/2025) và thù lao Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.4. Ông Vũ Văn Nhân - Thành viên HĐQT – PTGD

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 29.200 cổ phiếu, chiếm 0,092% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện cho UBND thành phố Hải Phòng: 2.789.716 cổ phiếu, chiếm 8,75% vốn điều lệ thực góp.

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Văn Lực	Em trai	6.300	0,0198
2	Vũ Văn Tuấn	Em trai	2.000	0,0063

3	Vũ Văn Tú	Em trai	6.600	0,0207
---	-----------	---------	-------	--------

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Phó tổng giám đốc và thù lao thành viên HĐQT.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.5. Ông Nguyễn Thái Dũng – Thành viên HĐQT – PTGD

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 21.851 cổ phiếu, chiếm 0,09% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện cho UBND thành phố Hải Phòng: 2.789.716 cổ phiếu, chiếm 8,75% vốn điều lệ thực góp.

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Phó tổng giám đốc và thù lao thành viên HĐQT.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.6. Bà Nguyễn Thị Hương - Kế toán trưởng

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 24.325 cổ phiếu, chiếm 0,076% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Đỗ Ngọc Phương	Chồng	6.300	0,020
2	Đỗ Minh Phương	Con gái	5.100	0,016
3	Nguyễn Thị Hằng	Chị gái	6.365	0,020

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Kế toán trưởng và phụ cấp Trưởng phòng Tài chính kế toán.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.7. Bà Phạm Thị Mận - Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần cấp nước Phúc Hưng Hải Dương

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện cho Công ty cổ phần cấp nước Phúc Hưng Hải Dương: 3.900.000 cổ phiếu, chiếm 12,232% vốn điều lệ thực góp.

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân tại công ty khác: Cổ phần tại Công ty cổ phần cấp nước Phúc Hưng Hải Dương chiếm 40% vốn điều lệ; cổ phần tại Công ty TNHH Hà Đức Trang chiếm 95% vốn điều lệ.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Hội đồng quản trị.
Lợi ích khác liên quan đối với Công ty: Không có.

2.8. Ông Vũ Chí Phương – Thành viên HĐQT – Trưởng phòng TCHC

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 13.251 cổ phiếu, chiếm 0,041% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương trưởng phòng và thù lao thành viên HĐQT.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.9. Bà Trần Thị Thanh Ngân - Trưởng BKS

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 11.851 cổ phiếu, chiếm 0,037% vốn điều lệ.

Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Trưởng Ban kiểm soát

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.10. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thành viên BKS

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 8.400 cổ phiếu, chiếm 0,026% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Quốc Nghĩa	Anh trai	7.865	0,025
2	Phạm Thị Yến	Chị dâu	8.200	0,02

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương thành viên Ban kiểm soát chuyên trách.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.11. Bà Trần Thị Huệ - Thành viên BKS

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phiếu, chiếm 0,003% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương thành viên Ban kiểm soát chuyên trách.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.12. Ông Trần Hữu Định – Thư ký công ty – Người phụ trách quản trị công ty

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 5.365 cổ phiếu, chiếm 0,00017% vốn điều lệ.

Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Thư ký công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Hợp đồng mua nước sạch với nhà đầu tư chiến lược là Công ty cổ phần cấp nước Phúc Hưng Hải Dương;

- Hợp đồng bán nước sạch cho nhà đầu tư chiến lược là Công ty cổ phần cấp nước Xuân Hưng.

Các hợp đồng chuyển tiếp trước khi công ty chuyển đổi mô hình sang công ty cổ phần, giá bán buôn nước sạch theo phương án giá tiêu thụ nước sạch được UBND tỉnh Hải Dương (cũ) phê duyệt.

Trên đây là báo cáo công khai lợi ích liên quan của người nội bộ Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Trân trọng kính trình ĐHĐCĐ thường niên thảo luận thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tài liệu Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Mạnh Dũng

Số: 591 /TTr-HĐQT

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
thời gian còn lại nhiệm kỳ 2022-2027

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021;

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm của Ông Nguyễn Văn Phụng – Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương.

Căn cứ số lượng hồ sơ đề cử, ứng cử tính đến thời điểm 24h ngày 18/4/2026;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị đề cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét quyết định:

I. Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Nguyễn Văn Phụng (có đơn từ nhiệm kèm theo).

II. Danh sách ứng cử để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

Căn cứ danh sách đề cử của Hội đồng quản trị (theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Điều lệ tổ chức và hoạt động, Khoản 2.4 Điều 3 Quy chế quản trị nội bộ Công ty).

Căn cứ năng lực, phẩm chất, uy tín và điều kiện có thể hoàn thành chức trách nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị nếu được bầu của người được đề cử, đối chiếu với tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động, Luật doanh nghiệp.

Đại diện Chủ sở hữu – UBND thành phố Hải Phòng đề cử các ông/bà có tên sau để Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022-2027 gồm:

1. Ông Nguyễn Đức Dũng, giới tính Nam, sinh ngày 14/7/1970;

- Số thẻ căn cước công dân: 030070005500 cấp ngày 10/8/2022 nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

- Địa chỉ thường trú: Số 85, Nguyễn Đình Bể, phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên BTV Đảng ủy Công ty - Bí thư chi bộ Phòng Kế hoạch kinh doanh



- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí, Kỹ sư Cấp thoát nước.
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị
(có sơ yếu lý lịch của ứng viên kèm theo)

2. Các nhân sự đề cử khác (nếu có) sẽ được báo cáo cụ thể tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tài liệu Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Mạnh Dũng



Số: 592 /TB-HĐQT

Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT
Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương nhiệm kỳ 2022-2027

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; và Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 có hiệu lực 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương có hiệu lực từ ngày 25/6/2021;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-HĐQT ngày 29/6/2021.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương thường niên năm 2022 đã bầu Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2022-2027, trong quá trình công tác các Thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, đưa Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương đạt được nhiều thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên năm 2025 Ông Nguyễn Văn Phụng – Thành viên HĐQT – Người đại diện phần vốn nhà nước đã xin từ nhiệm do đến tuổi nghỉ hưu hưởng chế độ, Ông Nguyễn Văn Phụng cũng xin từ nhiệm không tham gia công tác của Hội đồng quản trị và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phê chuẩn để triển khai thực hiện.

Để đảm bảo tính khách quan và tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty về cơ cấu HĐQT, đồng thời tăng cường năng lực quản trị, kiểm soát của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương và chuẩn bị nhân sự đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm Thành viên HĐQT, đưa vào danh sách ứng cử, đề cử trình Đại hội đồng cổ đông bầu, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương đề nghị Quý vị cổ đông đủ điều kiện (theo văn bản đính kèm) tham gia đề cử, ứng cử của Thành viên HĐQT, thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022-2027 với số lượng thành viên bổ sung như sau:

- Bổ sung 01 thành viên.



Hồ sơ đề cử, ứng của Quý vị Cổ đông vui lòng gửi về Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương trước ngày 18/4/2026. Các hồ sơ đề cử, ứng cử mà Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương nhận được sau ngày 18/4/2026 đều không có giá trị.

Địa chỉ nhận hồ sơ: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương – Số 10, đường Hồng Quang, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng (điện thoại: 02203.859010).

Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương sẽ tập hợp danh sách các cá nhân đủ điều kiện được ứng cử, đề cử theo pháp luật và công bố trên website của Công ty. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông báo đến Quý vị cổ đông và phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

Các hồ sơ có liên quan được đăng tải tại website: hdwaco.com.vn.

Hội đồng quản trị công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương trân trọng thông báo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Mạnh Dũng



Hải Phòng, ngày 08 tháng 4 năm 2026

**TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐỀ CỬ ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2022-2027
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG**
(Kèm theo Thông báo số: *592* /TB-KDNS ngày 08/4/2026
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; và Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 có hiệu lực 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương có hiệu lực từ ngày 25/6/2021;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-HĐQT ngày 29/6/2021.

Các nguyên tắc đề cử, ứng của nhân sự để bầu Thành viên HĐQT Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương nhiệm kỳ 2022-2027 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 được thực hiện như sau:

I. Tiêu chuẩn điều kiện ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương

1. Những tổ chức, cá nhân sau đây không được là Thành viên HĐQT của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

b) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;

d) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

đ) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

e) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.

Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh có yêu cầu, người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh;

g) Tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định theo quy định của Bộ luật Hình sự.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện ứng cử, đề cử Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng bị cấm theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; và Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 có hiệu lực 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty.

II. Quyền đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền được đề cử một ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử 02 người; từ 35% đến dưới 50% được đề cử 03 người; từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 người; và từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

III. Hồ sơ ứng cử, đề cử:

Cổ đông, nhóm cổ đông có nhu cầu đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT phải gửi đến Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương các hồ sơ, tài liệu sau:

1. Thông báo ứng cử, đề cử ứng viên để bầu Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 (03 bản), trong đó cam kết ứng viên đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (chi tiết theo mẫu quy định của Công ty và được đăng tải trên website: hdwaco.com.vn)

2. Sơ yếu lý lịch cử ứng viên (03 bản): Thực hiện theo mẫu quy định của Công ty và được đăng tải trên website: hdwaco.com.vn.

3. Bản kê khai người có liên quan và bản cung cấp thông tin theo quy định Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính (03 bản):



Thực hiện theo mẫu quy định của Công ty và được đăng tải trên website: hdwaco.com.vn.

4. Bản sao các văn bằng chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn cử ứng viên; Tài liệu chứng minh đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện “Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty” đối với ứng viên HĐQT.

5. Bản sao Căn cước công dân được chứng thực.

IV. Nguyên tắc lập hồ sơ ứng cử, đề cử:

1. Hồ sơ phải được lập bằng song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh; Thông tin tiếng Anh phải đồng nhất với tiếng Việt; nếu có khác biệt, thông tin tiếng Việt sẽ được áp dụng chính thức.

2. Các bản sao hồ sơ, tài liệu của ứng viên được đề cử, ứng cử phải là bản sao từ sổ gốc hoặc là bản sao được chứng thực từ bản chính theo quy định của pháp luật.

3. Các ứng viên được đề cử, ứng cử phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ.

Ghi chú: Các mẫu biểu được đăng tải tại mục “Quan hệ cổ đông” phần “Thông báo cổ đông” trên website: hdwaco.com.vn của Công ty.

000
TY
IÂN
OAN
SAC
JON
HAI

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ảnh màu
(4 x 6 cm)

- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):
 2) Tên gọi khác:.....
 3) Sinh ngày: ... tháng ... năm, Giới tính (nam, nữ):
 4) Nơi sinh:
 5) Quê quán:

- 6) Dân tộc: 7) Tôn giáo:
 8) Nơi đăng ký bộ khẩu thường trú:
 (Số nhà, đường phố, thành phố, xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
 9) Nơi ở hiện nay:
 (Số nhà, đường phố, thành phố, xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
 10) Số điện thoại liên hệ:
 11) Nghề nghiệp:
 12) Trình độ:
 12.1- Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):
 12.2- Trình độ chuyên môn cao nhất:
 (TSKH, TS, Ths, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, chuyên ngành)
 12.3- Ngoại ngữ: 12.4- Tin học:
 (Tên ngoại ngữ + Trình độ A, B, C, D.....) (Trình độ A, B, C,.....)
 13) Quá trình công tác (nêu tóm tắt thời gian, nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

TT	Thời gian (Tháng/Năm)	Nơi làm việc (Tên tổ chức làm việc)	Chức vụ	Vị trí làm việc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
3				

14) Số chứng minh nhân dân/CCCD: Ngày cấp: .../.../.....

15) Đặc điểm lịch sử bản thân:

- Người có liên quan (là người có liên quan theo quy định của Luật Chứng khoán)

TT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	GCNĐKKD (tổ chức)/ CMND, CCCD (Công dân Việt Nam)/ Hộ chiếu (Người nước ngoài) ngày cấp, nơi cấp	Nơi học tập/ làm việc/ khác	Vị trí công việc	Tên công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ có vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							

Ghi chú: Đối tượng áp dụng là cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ công ty chứng khoán, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật.

- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân)

TT	Tổ chức góp vốn	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ đại diện (%)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					

3					
---	--	--	--	--	--

Ghi chú:

+ Cột (5) Tỷ lệ đại diện là tỷ lệ % vốn góp của tổ chức góp vốn mà người kê khai được quyền đại diện.

+ Cột (6) Tỷ lệ nắm giữ là tỷ lệ % vốn góp của người kê khai nắm giữ.

- Có quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương (có, không)?:

.....
- Có hành vi vi phạm pháp luật (có, không)?:

- Năng lực hành vi dân sự (đầy đủ/hạn chế/mất năng lực hành vi dân sự)?:

.....
- Có khoản nợ với công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương (có, không)?:

16) Số cổ phần sở hữu hoặc được ủy quyền đại diện của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương:

.....
.....

17) Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh ... tại công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương.

- Thông báo cho Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai này phát sinh sau thời gian Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương tiếp nhận hồ sơ.

- Các thông tin cá nhân Tôi cung cấp cho Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương xem xét, chấp thuận dự kiến nhân sự là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..... ngày... tháng... năm 2026

(Chứng thực chữ ký người khai)

Người khai

Tôi xin cam đoan những lời khai trên
đây là đúng sự thật
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

MẪU

(dành cho cá nhân/tổ chức đề cử, giới thiệu ứng viên
tham gia Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2022-2027
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; và Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 có hiệu lực 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương có hiệu lực từ ngày 25/6/2021;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-HĐQT ngày 29/6/2021,

Căn cứ Thông báo số /TB-KDNS ngày 08/4/2026 của Hội đồng quản trị việc đề cử cá nhân tham gia Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2022-2027;

Tôi/chúng tôi là cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu/tự nguyện tập hợp thành nhóm cổ đông sở hữucổ phần phổ thông của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương, bao gồm:

STT	HỌ TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CMND/ĐKKD	SL CP HDW SỞ HỮU	TỶ LỆ/TỔNG SỐ CỔ PHẦN CỦA HDW	CHỮ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU TRONG TRƯỞNG HỢP CỔ ĐÔNG LÀ TỜ CHỨC/PHÁP NHÂN/ DOANH NGHIỆP)
1	Công ty ...				
2	Ông/Bà :....				
3					
4					
....					
	TỔNG CỘNG				

Ghi chú : (một số thông tin về HDW)

Vốn điều lệ: 318.824.700.000 đồng

KL CP đang niêm yết: 31.882.470 cp

KL CP đang lưu hành: 31.882.470 cp



Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chuẩn liên quan đến việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương, nhiệm kỳ 2022-2027, Chúng tôi nhất trí đề cử:

Họ tên ứng cử viên	CMND/CCCD, ngày cấp, nơi cấp	Chức danh đề cử ¹		Điều kiện, tiêu chuẩn theo luật định
		Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập	
1				
2				

1. Các ứng cử viên nêu trên đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo luật định.
2. Tôi/chúng tôi luôn đảm bảo duy trì tỷ lệ sở hữu số cổ phần HDW trong thời hạn yêu cầu theo luật định nhằm đảm bảo hiệu lực pháp lý của việc đề cử các ứng viên trên, để Đại hội đồng cổ đông bầu vào Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương.
3. Tôi/ Chúng tôi xin gửi kèm theo thông báo này danh sách và hồ sơ có liên quan của ứng cử viên lập theo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương.
4. Trong trường hợp cần thêm thông tin chi tiết, đề nghị liên lạc với Ông/bà:....., số điện thoại:là đại diện cho nhóm cổ đông.

Trân trọng,

....., ngày.....tháng.....năm 2026
CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CHO NHÓM CỔ ĐÔNG
 (ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



¹ Đánh dấu “x” vào ô chức danh lựa chọn đề cử.

BÁO CÁO CÔNG KHAI NHỮNG THÔNG TIN, LỢI ÍCH CÓ LIÊN QUAN

I - THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên:
- Ngày sinh :
- Số CMTND/hộ chiếu:
- Địa chỉ thường trú:
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:
- Điện thoại:
- Email:
- Số lượng cổ phần HDW đại diện: cổ phần chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần của HDW;
- Số lượng cổ phần HDW cá nhân nắm giữ: cổ phần chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần của HDW;
- Tài khoản chứng khoán số.....mở tại Công ty Chứng khoán.....ngày
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):

II - NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Điều 4.46 Luật Chứng khoán)

Những người có quan hệ thân thuộc (Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;)

Họ và tên	Mối quan hệ	Địa chỉ thường trú	Chức vụ, nơi làm việc hiện nay	Số CMND, ngày cấp, nơi cấp	TK chứng khoán, Nơi mở, ngày mở TKCK	Số lượng cổ phần HDW cá nhân nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%) / Tổng VDL
	Cha						
	Mẹ						
	Vợ						
	Chồng						
	Con						



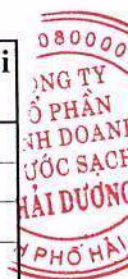
	Anh, chị, em ruột						
--	-------------------	--	--	--	--	--	--

III - Danh sách những Doanh nghiệp mà tôi đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên

Tên Doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngành, nghề kinh doanh	Số, ngày cấp, nơi cấp giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập	Số cổ phần/vốn góp	Tỷ lệ/VĐL Doanh nghiệp	Thời điểm góp vốn

IV - Danh sách những Doanh nghiệp mà tôi đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc)

Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngành, nghề kinh doanh	Số, ngày cấp, nơi cấp giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập	Chức vụ đang nắm giữ tại doanh nghiệp



V - Công ty mà Người có liên quan cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng CP hoặc vốn góp trên 35% VDL

Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngành, nghề kinh doanh	Số, ngày cấp, nơi cấp giấy chứng nhận ĐKKD/ GP thành lập	Tên người khai/người liên quan	Mối quan hệ với người khai	Số cp/ vốn góp sở hữu	Tỷ lệ (%)/ VDL

Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là hoàn toàn đầy đủ, chính xác và trung thực. Nếu sai tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật.

....., Ngàythángnăm
NGƯỜI KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phụ lục III
Appendix III
BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
CIRRICULLUM VITAE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020
of the Minister of Finance)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày... tháng... năm.....
....., day.... month.... year.....

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên/Full name:

2/ Giới tính/Sex:

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth:

4/ Nơi sinh/Place of birth:

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ID card No. (or Passport No.):..... Ngày cấp/Date of
issue..... Nơi cấp/Place of issue.....

6/ Quốc tịch/Nationality:

7/ Dân tộc/Ethnic:

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:

9/ Số điện thoại/Telephone number:

10/ Địa chỉ email/Email:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/Organisation's name subject to information
disclosure rules:

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/Current position in an
organization subject to information disclosure:



13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies:*

14/ Số CP nắm giữ:....., chiếm.....% vốn điều lệ, trong đó:*Number of owning shares....., accounting for.....% of charter capital, of which:*

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation):*

+ Cá nhân sở hữu/*Owning by individual:*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any):*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai*/*List of affiliated persons of declarant:*

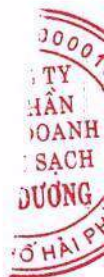


* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019
Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relation ship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/Head office addresses	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person became an affiliated person / internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person / internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Nguyễn Văn A	xxxxxx xx	Chủ tịch HĐQT Chairman of the Board of Directors		CMND ID	024123 456	17/12/2 015	HCMC ity's Public Securities	16 Võ Văn Kiệt, District 1, HCM C			01/01/2 020	15/5/2 020	Miễn nhiệm Dismissed	



1.0 1		Nguyễn Thị B	yyyyyy		Vợ wife	CMND ID Card No.	025123 456	11/05/2 016	HCMC ity's Public Securit y	1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Distric t 1, HCM C			04/5/2 018			
1.0 2																
.....																
15		Nguyễn Văn C	zzzzzz zz	Kế toán trưởng Chief Account ant		CMND ID Card No.	020123 456	11/02/2 011	Public Securit y				14/3/2 020		Bổ nhiệm Appoi nted	
....																
15. 25		Nguyễn Thị D			Con Child											No ID Card
15. 26		Công ty Cổ phần ABC			Tổ chức có liên quan Related organis ation	GCNĐKD N Business Registratio n Certificate	301234 56	15/10/2 014					15/4/2 020		Bổ nhiệm Appoi nted	Nguyễn Văn C là thành viên HĐQT CTCP ABC Board member



17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Interest in conflict with public company, public fund (if any):*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI/
DECLARANT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)*